

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO**

Số: 46/QĐ-VKSTC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ VIỆC QUẢN LÝ HỒ SƠ TỐ GIÁC, TIN BÁO VỀ TỘI PHẠM,
KIẾN NGHỊ KHỞI TỐ TẠM ĐÌNH CHỈ VÀ HỒ SƠ VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠM ĐÌNH CHỈ CỦA
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Thực hiện Chỉ thị số 06/CT-VKSTC ngày 02/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về tăng cường trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân trong việc theo dõi, quản lý, giải quyết các vụ án hình sự tạm đình chỉ;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học Viện kiểm sát nhân dân tối cao,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc quản lý hồ sơ tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ và hồ sơ vụ án hình sự tạm đình chỉ của Viện kiểm sát nhân dân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; việc sửa đổi bổ sung Quy định này do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VKSND tối cao;
- Lưu: VT, VP.

VIỆN TRƯỞNG

Lê Minh Trí

QUY ĐỊNH

VỀ VIỆC QUẢN LÝ HỒ SƠ TỐ GIÁC, TIN BÁO VỀ TỘI PHẠM, KIẾN NGHỊ KHỞI TỐ TẠM ĐÌNH CHỈ VÀ HỒ SƠ VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠM ĐÌNH CHỈ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/QĐ-VKSTC ngày 14/02/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc quản lý hồ sơ tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ (sau đây viết tắt là hồ sơ vụ việc tạm đình chỉ) và hồ sơ vụ án hình sự tạm đình chỉ (sau đây viết tắt là hồ sơ vụ án tạm đình chỉ) của Viện kiểm sát nhân dân.
2. Việc quản lý hồ sơ vụ việc, hồ sơ vụ án tạm đình chỉ, gồm: tiếp nhận, lưu giữ, bảo quản, cập nhật tài liệu vào hồ sơ; giao nhận hồ sơ, kiểm tra, báo cáo tình hình, kết quả công tác quản lý hồ sơ vụ việc, hồ sơ vụ án tạm đình chỉ của Viện kiểm sát nhân dân.

Điều 2. Phạm vi quản lý hồ sơ

1. Việc quản lý hồ sơ vụ việc tạm đình chỉ được thực hiện từ khi có quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát đến khi có quyết định phục hồi giải quyết.
2. Việc quản lý hồ sơ vụ án tạm đình chỉ được thực hiện từ khi nhận được quyết định tạm đình chỉ điều tra của Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, quyết định tạm đình chỉ vụ án của Viện kiểm sát, Tòa án đến khi có quyết định phục hồi điều tra vụ án của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, quyết định phục hồi vụ án của Viện kiểm sát, Tòa án hoặc quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Văn phòng hoặc bộ phận làm công tác văn phòng của Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp.
2. Các đơn vị thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao; các đơn vị thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử án hình sự thuộc Viện

kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; bộ phận làm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.

3. Các đơn vị thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử án hình sự thuộc Viện kiểm sát quân sự các cấp.

4. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử án hình sự hoặc được giao nhiệm vụ quản lý hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý

1. Hồ sơ vụ việc tạm đình chỉ, vụ án tạm đình chỉ trong ngành Kiểm sát nhân dân phải bảo đảm các nguyên tắc chung của hồ sơ nghiệp vụ kiểm sát theo quy định của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Hồ sơ vụ việc tạm đình chỉ, vụ án tạm đình chỉ trong ngành Kiểm sát nhân dân phải bảo đảm bí mật theo quy định của pháp luật và của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

3. Việc quản lý hồ sơ vụ việc tạm đình chỉ, vụ án tạm đình chỉ phải bảo đảm tập trung, thống nhất, khoa học, đầy đủ, chặt chẽ, kịp thời, không bị hư hỏng, thất lạc, thuận lợi cho công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố và việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án hình sự.

4. Chế độ thông tin, báo cáo đối với vụ việc, vụ án tạm đình chỉ phải chính xác, kịp thời, đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp.

Điều 5. Hồ sơ vụ việc tạm đình chỉ, vụ án tạm đình chỉ

1. Hồ sơ vụ việc tạm đình chỉ quản lý tại Viện kiểm sát là hồ sơ kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã được Cơ quan điều tra hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tạm đình chỉ giải quyết; hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do Viện kiểm sát trực tiếp giải quyết.

2. Hồ sơ vụ án tạm đình chỉ quản lý tại Viện kiểm sát gồm hồ sơ vụ án và hồ sơ kiểm sát vụ án, cụ thể:

a) Hồ sơ kiểm sát điều tra vụ án do Viện kiểm sát lập trong trường hợp Cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can; tạm đình chỉ 01 bị can hoặc một số bị can trong vụ án.

b) Hồ sơ vụ án hình sự do Cơ quan điều tra lập và hồ sơ kiểm sát trong trường hợp Viện kiểm sát ra quyết định tạm đình chỉ vụ án, bị can trong giai đoạn truy tố; hồ sơ kiểm sát trong trường hợp tạm đình chỉ 01 bị can hoặc một số bị can trong vụ án.

c) Hồ sơ kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự do Viện kiểm sát lập trong trường hợp Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ vụ án.

Chương II

CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Điều 6. Đơn vị, bộ phận quản lý hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ

1. Phòng, bộ phận tham mưu tổng hợp của đơn vị thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao; bộ phận làm công tác văn phòng của phòng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử án hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và bộ phận làm công tác văn phòng thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận và quản lý hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử của Viện kiểm sát cấp mình.
2. Văn phòng hoặc bộ phận làm công tác văn phòng của Viện kiểm sát quân sự các cấp có trách nhiệm tiếp nhận và quản lý hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử của cấp mình.
3. Đối với vụ án do Viện kiểm sát cấp trên phân công cho Viện kiểm sát cấp dưới thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử, sau đó Tòa án tạm đình chỉ thì Viện kiểm sát được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử thực hiện việc quản lý hồ sơ kiểm sát vụ án tạm đình chỉ để tiếp tục thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử khi có quyết định phục hồi vụ án.

Điều 7. Trách nhiệm của đơn vị, bộ phận có hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ

Đơn vị, bộ phận và Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được giao thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, vụ án hình sự tạm đình chỉ có trách nhiệm:

1. Lập hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ theo quy định của Viện kiểm sát nhân dân tối cao; nắm đầy đủ, chính xác số lượng vụ việc, vụ án tạm đình chỉ phát sinh trong tuần, tháng; tổng số vụ việc, vụ án tạm đình chỉ của cơ quan, đơn vị.
2. Quản lý chặt chẽ nội dung hồ sơ vụ việc tạm đình chỉ, vụ án tạm đình chỉ; thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự của mỗi vụ án tạm đình chỉ; bổ sung tài liệu, chứng cứ vào hồ sơ tạm đình chỉ (nếu có); kịp thời ra quyết định phục hồi giải quyết vụ án hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra, Tòa án ra quyết định phục hồi giải quyết vụ việc, vụ án tạm đình chỉ theo đúng quy định pháp luật.
3. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định tạm đình chỉ vụ việc, vụ án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết vụ việc, vụ án tạm đình chỉ phải rà soát, kiểm tra các văn bản tố tụng có trong hồ sơ, đánh số bút lục, lập danh mục tài liệu, làm thủ tục bàn giao hồ sơ cho đơn vị, bộ phận được giao quản lý hồ sơ.

4. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ khi nhận được văn bản về việc tiếp tục giải quyết vụ việc, vụ án tạm đình chỉ, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết vụ việc, vụ án tạm đình chỉ phải phối hợp với đơn vị, bộ phận quản lý hồ sơ để nhận lại hồ sơ, tiếp tục giải quyết vụ việc, vụ án tạm đình chỉ theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp cần phải có hồ sơ để nghiên cứu, xem xét việc phê chuẩn áp dụng các biện pháp ngăn chặn thì trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được văn bản về việc tiếp tục giải quyết vụ việc, vụ án tạm đình chỉ, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết vụ việc, vụ án tạm đình chỉ phải phối hợp với đơn vị, bộ phận quản lý hồ sơ để nhận lại hồ sơ, tiếp tục giải quyết vụ việc, vụ án tạm đình chỉ theo quy định pháp luật.

Trường hợp Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết vụ việc, vụ án tạm đình chỉ không tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được phân công thì Viện trưởng Viện kiểm sát cấp đó phải phân công Kiểm sát viên, Kiểm tra viên khác tiếp tục thực hiện nhiệm vụ.

6. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ khi nhận được báo cáo kết quả phối hợp với Cơ quan điều tra rà soát, đối chiếu, phân loại, đề xuất xử lý các trường hợp tạm đình chỉ điều tra và từ khi nhận được văn bản, quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên theo quy định tại khoản 3, Điều 39 Quy chế tạm thời Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố, ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ- VKSTC ngày 29/12/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (sau đây gọi tắt là Quy chế số 03) và khoản 3, Điều 15 Quy chế tạm thời Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, ban hành theo Quyết định số 169/QĐ-VKSTC ngày 02/5/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (sau đây gọi tắt là Quy chế số 169), đơn vị, bộ phận có hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ phải gửi cho đơn vị, bộ phận quản lý hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ và Văn phòng Viện kiểm sát cùng cấp 01 bản/01 loại văn bản.

7. Việc giao nhận hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ được lập thành biên bản theo quy định của pháp luật và gửi 01 bản cho Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày lập biên bản.

Điều 8. Trách nhiệm của đơn vị, bộ phận quản lý hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ

Đơn vị, bộ phận và Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được phân công quản lý hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ có trách nhiệm:

1. Nhận hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ; tiếp nhận tài liệu, chứng cứ để bổ sung vào hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ do đơn vị, bộ phận có hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ giao theo quy định pháp luật và của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
2. Mở sổ theo dõi đầy đủ, chặt chẽ hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ trong cơ quan, đơn vị, bộ phận; chấp hành nghiêm chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

3. Quản lý hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ; báo cáo số liệu vụ việc, vụ án tạm đình chỉ theo yêu cầu của lãnh đạo cơ quan, đơn vị; giao hồ sơ tạm đình chỉ cho đơn vị, bộ phận thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ việc, vụ án tạm đình chỉ theo khoản 4 và khoản 5 Điều 7 Quy định này.

4. Định kỳ (hàng tháng, 03 tháng, 06 tháng, 01 năm) kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, cá nhân được phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tạm đình chỉ vụ việc, vụ án thực hiện quy định tại khoản 3, Điều 39 Quy chế số 03 và khoản 3, Điều 15 Quy chế số 169.

5. Quản lý, lưu giữ hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ theo từng năm công tác, không để mất hoặc thất lạc; chịu trách nhiệm về tính bảo mật và số bút lục có trong hồ sơ theo biên bản giao nhận.

6. Việc giao nhận hồ sơ được thực hiện theo quy định tại Khoản 7, Điều 7 Quy định này.

Điều 9. Bổ sung tài liệu, chứng cứ; rút hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ

1. Khi vụ việc, vụ án tạm đình chỉ phát sinh tài liệu, chứng cứ cần bổ sung vào hồ sơ. Trong thời gian 03 ngày, kể từ ngày nhận được tài liệu, chứng cứ, đơn vị, bộ phận có hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ phải bàn giao tài liệu, chứng cứ cho đơn vị, bộ phận quản lý hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ để bổ sung vào hồ sơ.

2. Khi có căn cứ phục hồi giải quyết vụ việc, vụ án tạm đình chỉ. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị bằng văn bản của đơn vị, bộ phận có hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ thì đơn vị, bộ phận quản lý hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ phải bàn giao hồ sơ để tiếp tục giải quyết vụ việc, vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Việc giao nhận hồ sơ, tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định tại Khoản 7, Điều 7 Quy định này.

Điều 10. Khai thác, sử dụng hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ

Việc khai thác, sử dụng hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ được thực hiện theo quy định về công tác quản lý, sử dụng, khai thác hồ sơ nghiệp vụ kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 11. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Chế độ thông tin, báo cáo đối với vụ việc, vụ án tạm đình chỉ được thực hiện theo Quy chế về chế độ thông tin, báo cáo và quản lý công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân; các khoản 2, 3 và 4 Điều 10 của Quy định này và các quy định khác của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Định kỳ, hoặc theo yêu cầu của lãnh đạo Viện kiểm sát, đơn vị, bộ phận hoặc Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được giao quản lý vụ việc, vụ án tạm đình chỉ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị, bộ phận và người liên quan xây dựng báo cáo tình hình, kết quả công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ và vụ án hình sự tạm đình chỉ tại cơ quan, đơn vị mình.

3. Định kỳ (03 tháng, 06 tháng, 01 năm) hoặc theo yêu cầu của lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án trật tự xã hội Viện kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với các đơn vị có liên quan báo cáo tình hình, kết quả công tác thực hành quyền công tố kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ của ngành Kiểm sát nhân dân.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện phân công đơn vị, bộ phận chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo tình hình, kết quả công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố tạm đình chỉ của Viện kiểm sát cấp mình.

4. Định kỳ (03 tháng, 06 tháng, 01 năm) hoặc theo yêu cầu của lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án ma túy Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng báo cáo tình hình, kết quả công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết vụ án hình sự tạm đình chỉ của ngành Kiểm sát nhân dân.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện phân công một đơn vị, bộ phận chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng báo cáo tình hình, kết quả công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ án hình sự tạm đình chỉ của Viện kiểm sát cấp mình.

Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án ma túy xây dựng mẫu báo cáo và phụ lục thống kê vụ việc, vụ án tạm đình chỉ thực hiện thống nhất trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 12. Bảo mật hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ

1. Hồ sơ, số liệu thống kê, thông tin về vụ việc, vụ án tạm đình chỉ phải được quản lý chặt chẽ theo chế độ mật, chỉ được cung cấp, báo cáo theo quy định của pháp luật và của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Nghiêm cấm hành vi làm lộ thông tin, tài liệu; làm sai lệch hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ. Nếu để mất, thất lạc, hư hỏng tài liệu hoặc làm lộ thông tin, tài liệu và hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ thì tùy tính chất mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật và quy định của ngành Kiểm sát nhân dân.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp và Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Văn phòng Viện kiểm sát các cấp có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ quản lý chặt chẽ tình hình, số liệu vụ việc, vụ án tạm đình chỉ trong đơn vị, Viện kiểm sát cấp mình.

Định kỳ (06 tháng, 01 năm), Văn phòng, bộ phận làm công tác Văn phòng của Viện kiểm sát các cấp giúp Viện trưởng Viện kiểm sát kiểm tra, đánh giá tình hình, kết quả công tác quản lý hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ trong đơn vị, Viện kiểm sát cấp mình.

Định kỳ hoặc khi cần thiết, Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiểm tra, đánh giá tình hình, kết quả công tác quản lý hồ sơ vụ việc, vụ án tạm đình chỉ trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị phản ánh về Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Phòng Quản lý án hình sự) để báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, quyết định./.